

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 55/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 07-3-2024
V/v “*Tranh chấp chia tài sản
chung của vợ chồng trong thời kỳ
hôn nhân*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Tạ Công Minh

2/ Ông Đỗ Thanh Hiền

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Phục – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 07 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 720/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị Kim H**, sinh năm: 1982

Địa chỉ: ấp TT, xã ĐH, huyện CT, tỉnh TG.

Chỗ ở hiện nay: ấp 1, xã TVT, huyện BB, tỉnh BD.

Đại diện ủy quyền: Nguyễn Thành P, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: số 166/19B LTK, phường X, thành phố MT, tỉnh TG.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 24/12/2023)

- Bị đơn: **Nguyễn Thành H**, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: ấp TT, xã ĐH, huyện CT, tỉnh TG.

(Ông P và anh H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H, đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Thành P trình bày:

Chị Nguyễn Thị Kim H và anh Nguyễn Thành H là vợ chồng đã ly hôn theo Bản án số 591/2023/HNGĐ-ST ngày 29/9/2023. Quá trình chung sống vợ chồng có tạo lập tài sản chung là xe ô tô tải hiệu DOTHANH, biển số 63C-098.62 do anh H đứng tên giấy chứng nhận và đang quản lý sử dụng. Xe mua vào năm 2017, giá trị còn lại là 400.000.000đồng. Nay chị H yêu cầu chia đôi xe ô tô tải biển số 63C-098.62 nêu trên, chị H đồng ý giao cho anh H sở hữu xe, chị H xin nhận giá trị là 200.000.000đồng.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Thành H trình bày:

Chị Nguyễn Thị Kim H và anh Nguyễn Thành H là vợ chồng đã ly hôn theo Bản án số 591/2023/HNGĐ-ST ngày 29/9/2023. Quá trình chung sống vợ chồng có tạo lập tài sản chung là xe ô tô tải hiệu DOTHANH, số loại MIGHTY, số khung RPPGD17BPHD002807, số máy D4DBGJ634556, biển số 63C-098.62 do anh H đứng tên giấy chứng nhận và đang quản lý sử dụng. Xe mua vào năm 2017, giá trị còn lại là 400.000.000đồng. Nay anh H đồng ý chia đôi xe theo yêu cầu của chị H, anh đồng ý nhận xe, đồng ý chia lại cho chị H ½ giá trị xe là 200.000.000 đồng, thực hiện làm 02 lần: lần 1 vào ngày 28/6/2024 giao 100.000.000 đồng; ngày 31/12/2024 giao 100.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] – Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là xe ô tô tải hiệu DOTHANH, biển số 63C-098.62, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] – Về nội dung yêu cầu:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn trình bày thống nhất chị H và anh H là vợ chồng, đã ly hôn vào năm 2023. Quá trình chung sống vợ chồng có tạo lập tài sản chung là xe ô tô tải hiệu DOTHANH, số loại MIGHTY, số khung RPPGD17BPHD002807, số máy D4DBGJ634556, biển số 63C-098.62 do anh H đứng tên giấy chứng nhận và đang quản lý sử dụng, chị H và anh H thống nhất giá trị xe là 400.000.000đồng. Do vậy, căn cứ Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định các tình tiết trên là sự thật, không phải chứng minh.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu chia tài sản chung xe ô tô tải biển số 63C-098.62 nêu trên, chị H yêu cầu giao cho anh H được sở hữu xe, chị xin được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là 200.000.000đồng. Tại phiên tòa, anh H đồng ý theo yêu cầu của chị H nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét lời trình bày của bị đơn xin chia lại cho chị H $\frac{1}{2}$ giá trị xe là 200.000.000đồng, thực hiện làm 02 lần: lần 1 vào ngày 28/6/2024 giao 100.000.000đồng; ngày 31/12/2024 giao 100.000.000đồng không được đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý nên không được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị H và anh H mỗi người phải chịu án phí đối với phần tài sản được chia là 10.000.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 213 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 33, 38, 59 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim H.

- Chia cho anh Nguyễn Thành H được quyền sở hữu xe ô tô tải hiệu DOTHANH, số loại MIGHTY, số khung RPPGD17BPHD002807, số máy D4DBGJ634556, biển số 63C-098.62 do anh H đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe.

- Anh Nguyễn Thành H có nghĩa vụ chia lại cho chị Nguyễn Thị Kim H $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung là 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng). Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh H chậm trả tiền còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Kim H phải chịu 10.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, chị H đã nộp 5.000.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010626 ngày 30/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên chị H còn phải nộp tiếp số tiền là 5.000.000đồng.

Anh Nguyễn Thành H phải chịu 10.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Chinh